TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST Ngày 03-01-2023 V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thùy Trang

Ông Dư Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 256/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh N, sinh năm: 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Số H đường T, khóm T, phường M, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Q, sinh năm: 1989 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số H đường C, khóm S, phường T, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 7 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Thanh N trình bày:

Bà và ông Trần Văn Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33/2013, ngày 17/5/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn không khắc phục được. Quá trình chung sống ông, bà có một người con chung tên Trần Tiến Đ (nam, sinh ngày 08/3/2014), hiện đang sống chung với ông Qu tại số H đường C, khóm S, phường T, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng và không có tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn Q.

Về con chung: Bà đồng ý giao con chung tên Trần Tiến Đ (nam, sinh ngày 08/3/2014), hiện đang sống chung với ông Qu tại số H đường C, khóm S, phường T, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng cho ông Trần Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2022 bị đơn ông Trần Văn Q trình bày:

Do mâu thuẫn về tài chính, ông đi làm thuê có tiền bao nhiêu về đưa cho vợ bấy nhiêu, có khi cũng không có đưa nên dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Từ tháng 05/2022 bà Nh bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, ông có đến nhà năn nỉ bà Nh để bà Nh về chung sống nhưng bà Nh không đồng ý, nay mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà Nh. Về con chung ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Tiến Đ (nam, sinh ngày 08/3/2014), hiện đang sống chung với ông tại số H đường C, khóm S, phường T, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Ông đồng ý nhận tiền cấp dưỡng nuôi con của bà Nh là 1.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng

Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Quyền.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh N, về quan hệ hôn nhân của bà Lê Thị Thanh N và ông Trần Văn Q không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu bà Nh, ông Qu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân giữa bà Nh, ông Qu bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, không thể hàn gắn được. Gia đình hai bên có hòa giải, hàn gắn tình cảm cho bà Nh, ông Qu không có kết quả. Tại tòa bà Nh xác định không còn tình cảm với ông Qu, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc và kiên quyết xin ly hôn với ông Qu. Đồng thời, tháng 05 năm 2022 đến nay bà Nh và ông Qu đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm

sóc lẫn nhau. Ông Qu cũng đồng ý ly hôn với bà Nh. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nh được ly hôn với ông Qu.

[3] Về con chung: Bà Nh đồng ý giao con chung tên Trần Tiến Đ (nam, sinh ngày 08/3/2014), hiện đang sống chung với ông Qu tại số H đường C, khóm S, phường T, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu Đ từ khi sinh ra đến nay đều do bà Nh, ông Qu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi bà Nh và ông Qu không còn sống chung với nhau từ tháng 05 năm 2022 đến nay, cháu Đ được ông Qu chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu Đ, cháu Đ có nguyện vọng được sống chung với ông Qu. Xuất phát từ mọi lợi ích của cháu Đ, tránh xáo trộn môi trường sống ảnh hưởng đến tâm lý của cháu Đ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nh, giao cháu Đ cho ông Qu được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng và ông Qu cũng đồng ý nhận. Căn cứ Điều 82 luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần buộc bà Nh thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng là 1.000.000 đồng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng nuôi con là ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Thanh N, ông Trần Văn Q tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Như đã phân tích nêu trên, Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điểm a, Khoản 5, Điểm a, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5, Điểm a, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Thanh N và ông Trần Văn Q.

2. Về con chung và cấp dưỡng:

2.2. Giao con chung tên Trần Tiến Đ (nam, sinh ngày 08/3/2014), hiện đang sống chung với ông Qu tại số H đường C, khóm S, phường T, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng cho ông Qu được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

2.3. Bà Lê Thị Thanh N có trách nhiệm đóng góp tiền cho ông Qu để nuôi dưỡng con chung là 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng nuôi con là ngày xét xử sơ thẩm.

Bà Lê Thị Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Thanh N, ông Trần Văn Q tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000818 ngày 08/11/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng,

tỉnh Sóc Trăng; bà Lê Thị Thanh N phải nộp thêm tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Ông Trần Văn Q không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTPST;
- Chi cục THADSTPST;
- Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bích Tuyền